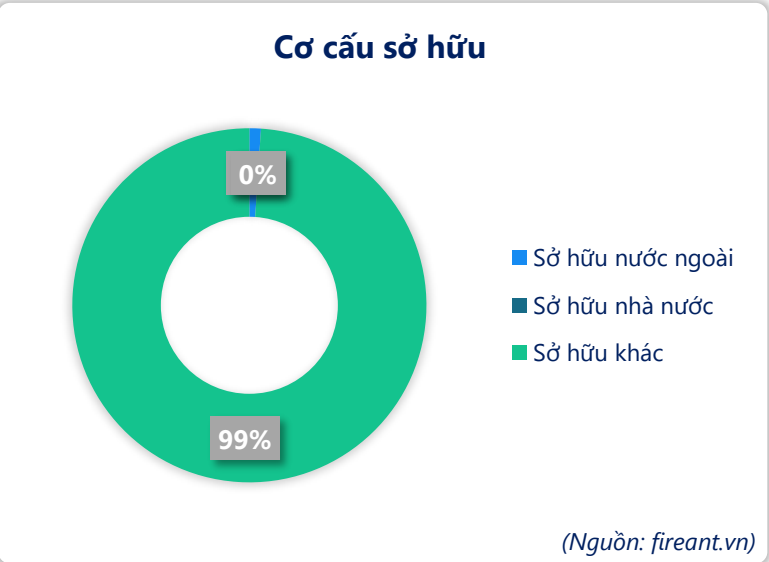
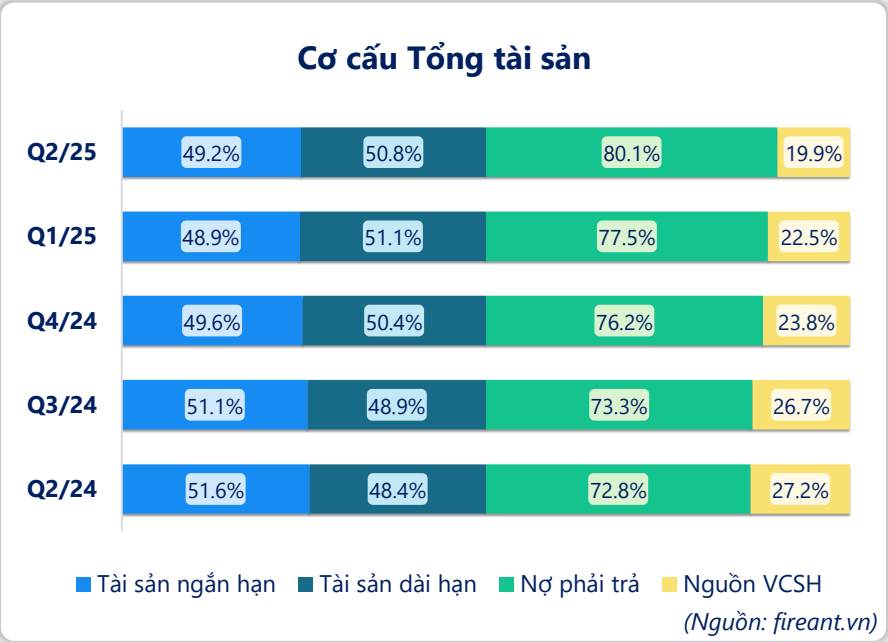
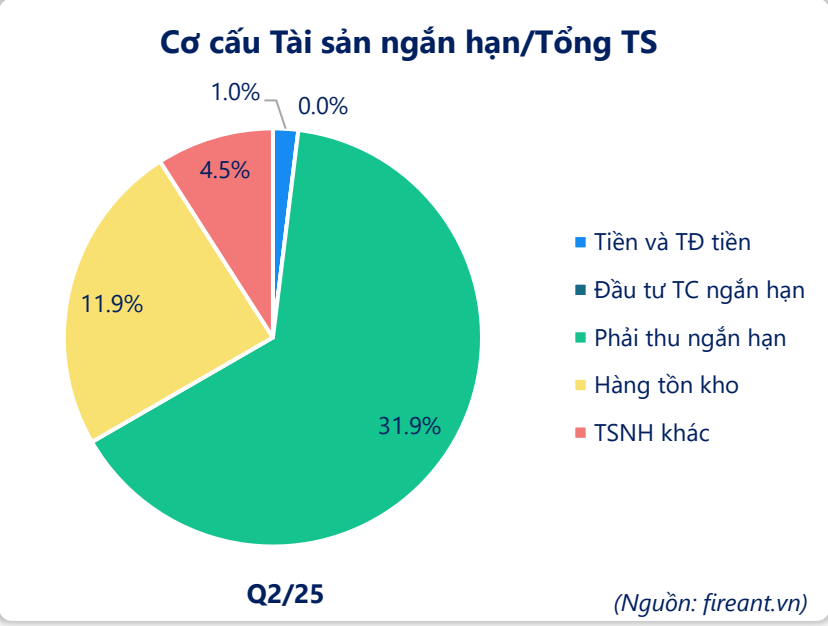
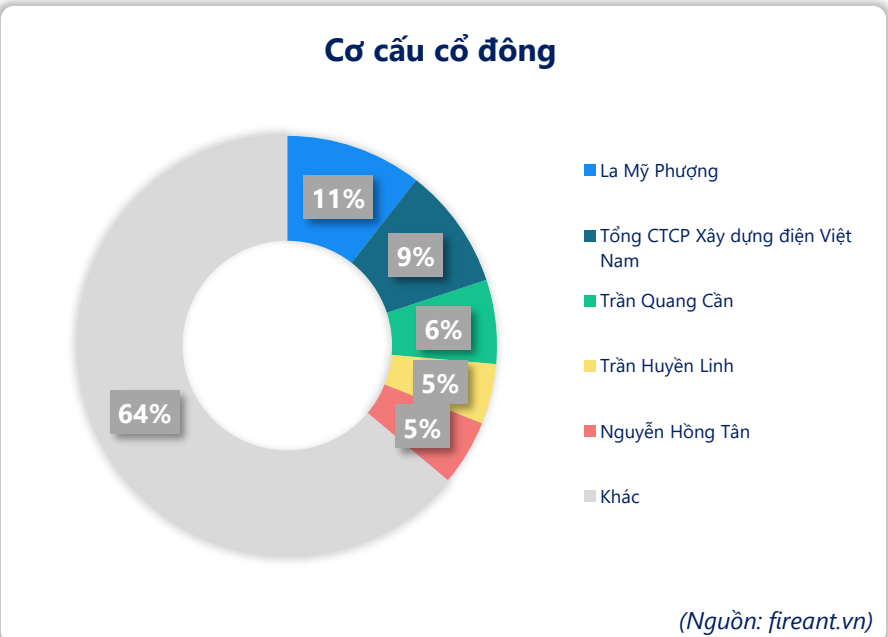
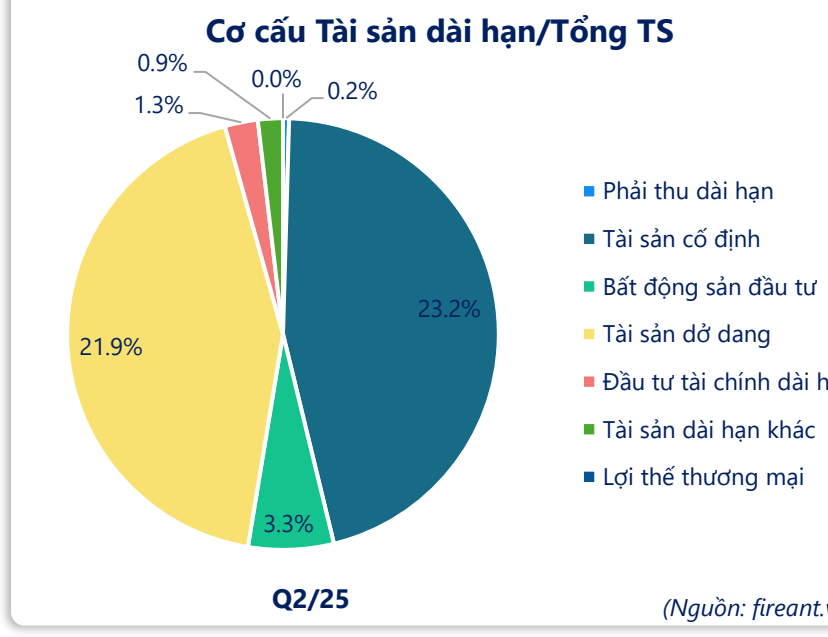
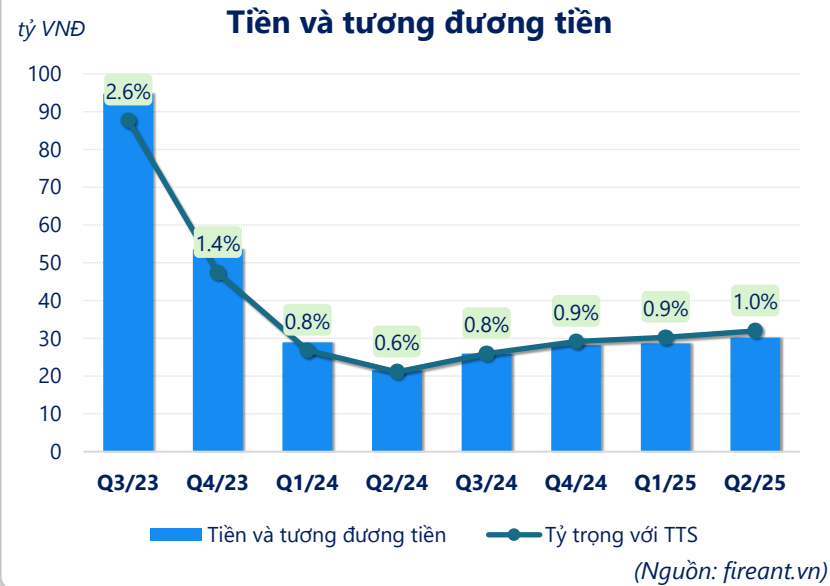
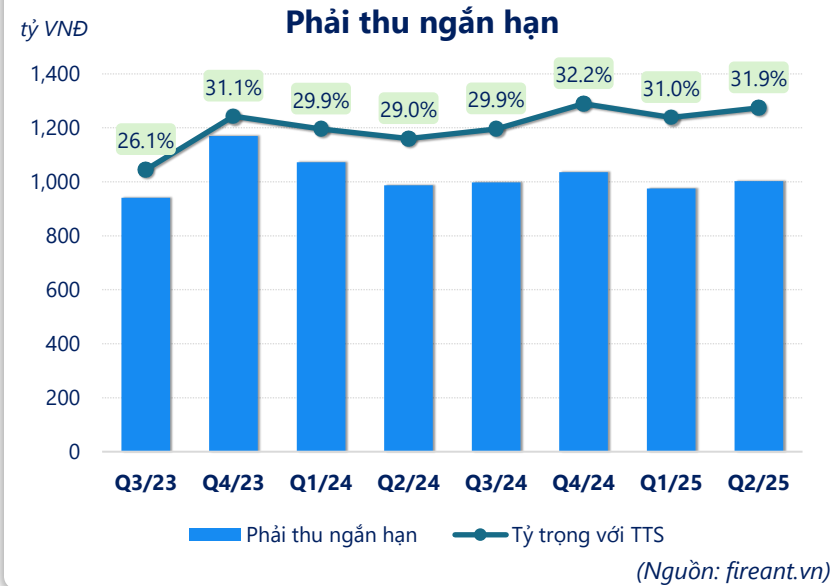
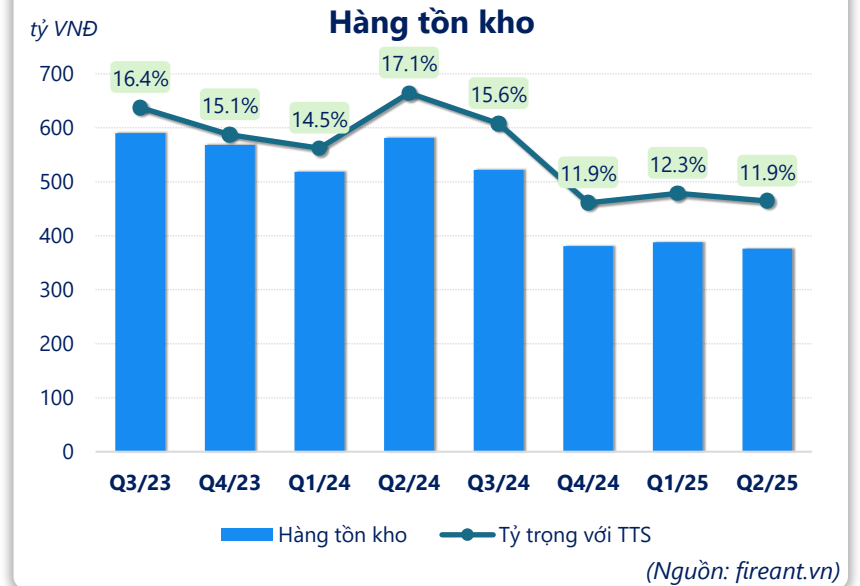
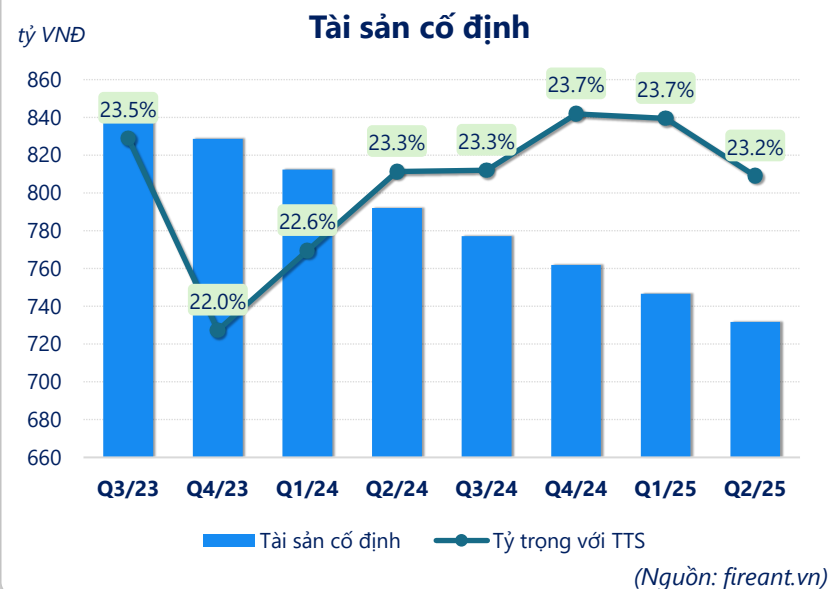
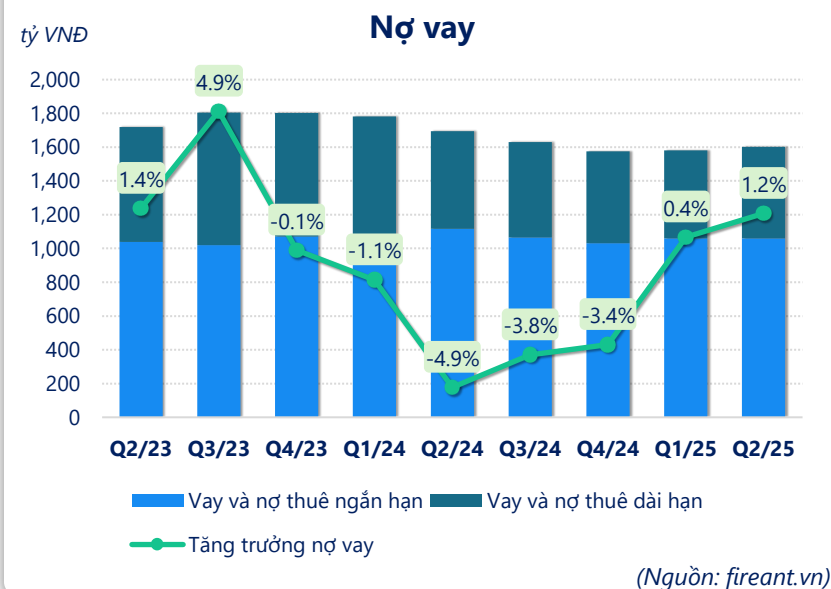
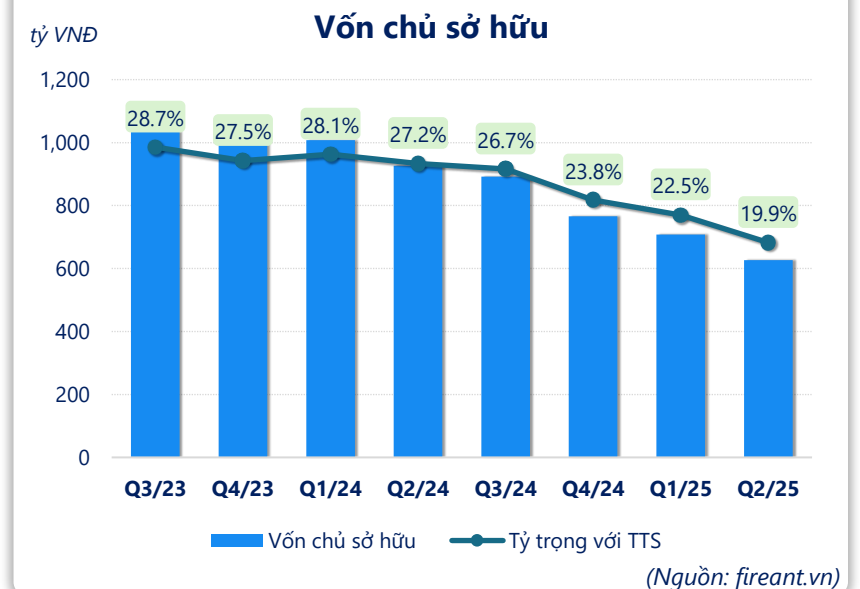
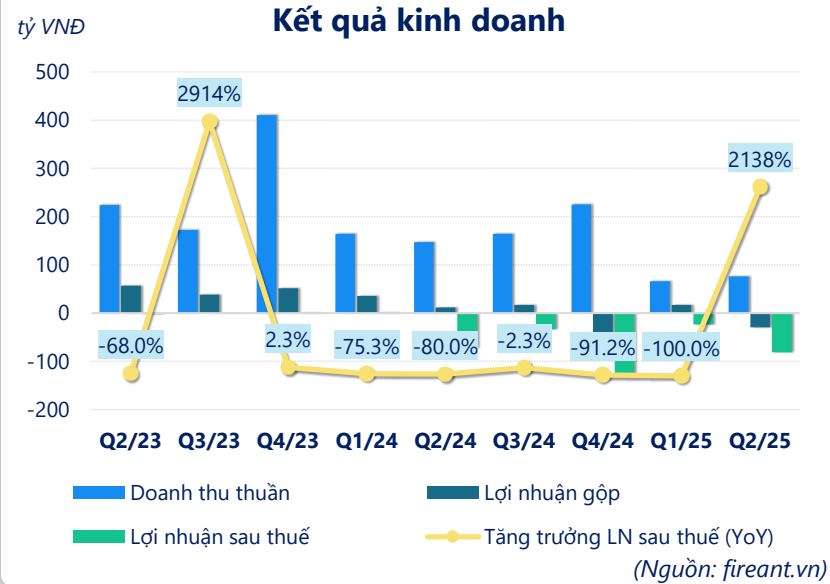
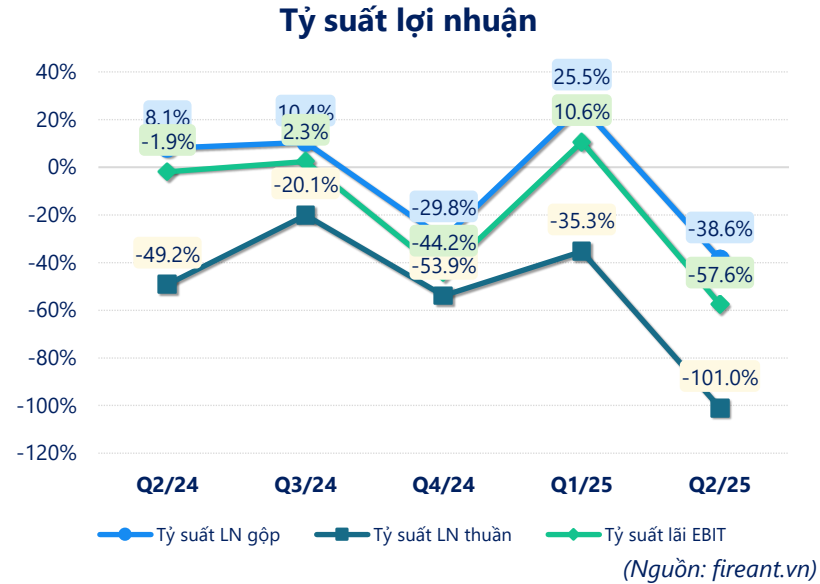
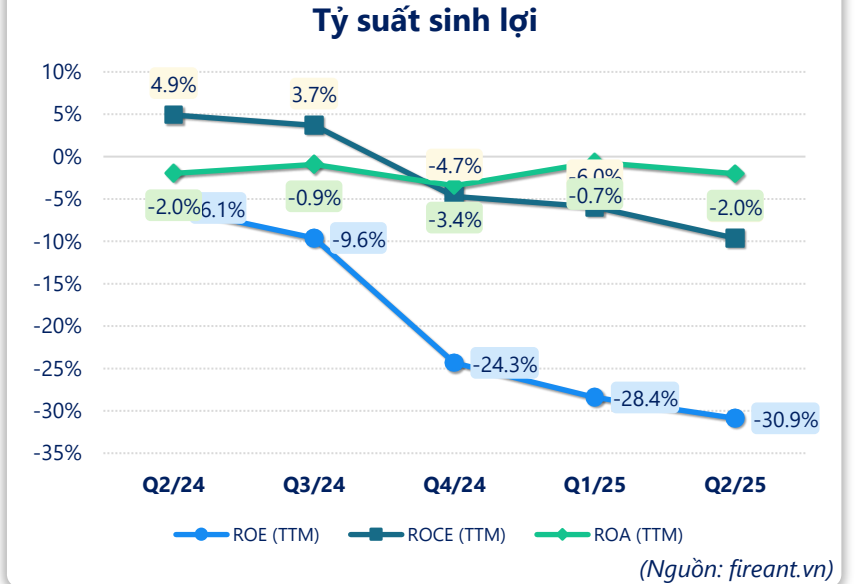
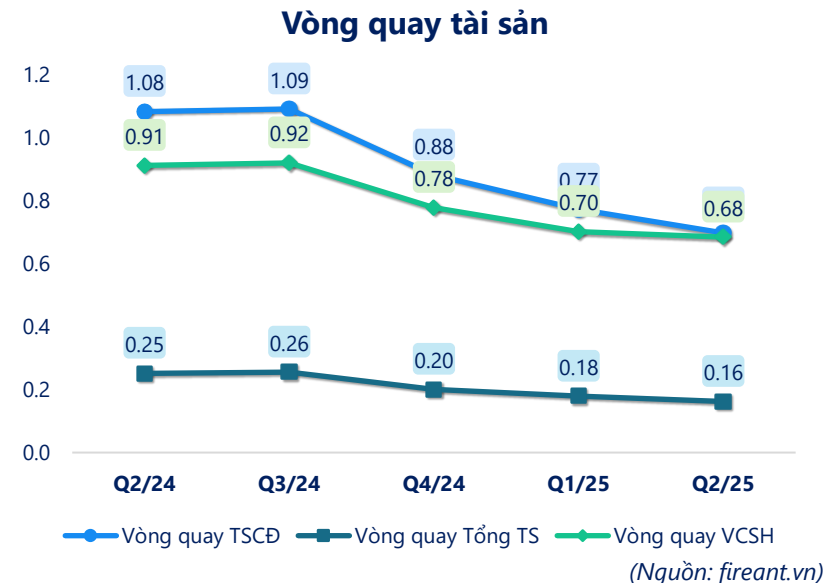
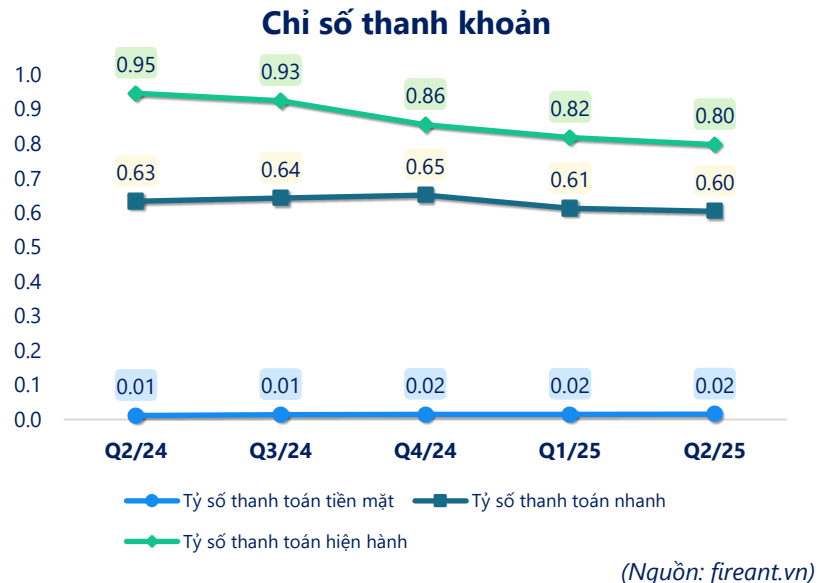
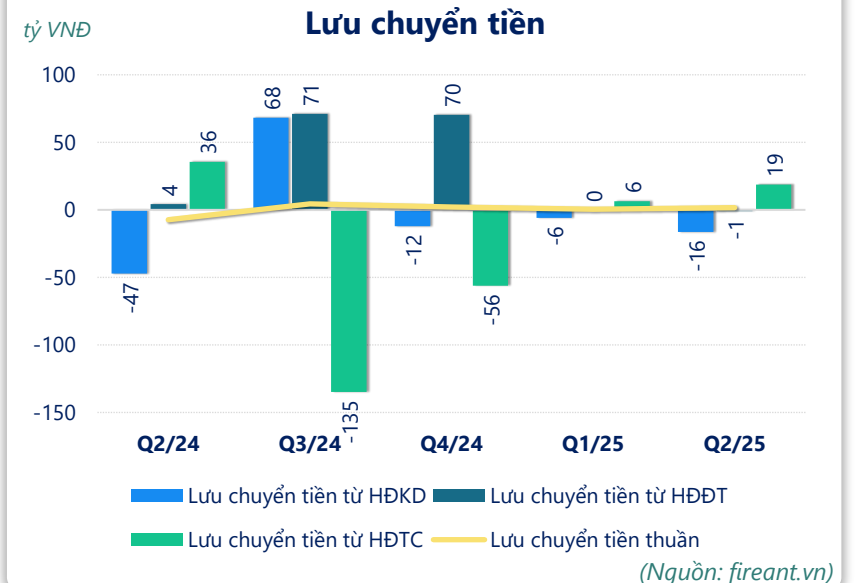


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,740
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,360
SL cổ phiếu LH		82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)		364,960
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		410
P/E		-1.7
EPS		-2,923

	YTD	1T	3T	6T
VNE	40.4%	-8.3%	71.2%	38.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,149	3,181	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	1,550	1,563	-0.8%
Tiền và tương đương tiền	30.2	28.1	7.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	9.12	-100.0%
Phải thu ngắn hạn	1,003	1,005	-0.2%
Hàng tồn kho	376	380	-1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	141	141	0.0%
Tài sản dài hạn	1,599	1,617	-1.1%
Phải thu dài hạn	7.27	7.27	0.0%
Tài sản cố định	732	762	-3.9%
Bất động sản đầu tư	102	102	0.0%
Tài sản dở dang	689	672	2.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.6	39.7	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	29.9	34.5	-13.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,523	2,449	3.0%
Nợ ngắn hạn	1,944	1,868	4.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,060	1,031	2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	365	364	0.1%
Nợ dài hạn	579	581	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	541	543	-0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	627	732	-14.3%
Vốn chủ sở hữu	627	732	-14.3%
Vốn điều lệ	904	904	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	147	164	225	65.9	76.2
Giá vốn hàng bán	135	147	292	49.1	106
Lợi nhuận gộp	11.9	17.1	-67.1	16.8	-29.4
Doanh thu HĐTC	0.29	1.14	0.30	0.06	0.04
Chi phí TC	71.9	36.4	36.7	30.6	38.5
Chi phí lãi vay	69.2	36.4	20.3	30.4	34.3
LN trong công ty LKLD	0.12	0.23	-0.30	0.08	-0.14
Chi phí bán hàng	0.08	0.13	0.22	0.16	0
Chi phí QLDN	12.8	14.9	17.5	9.40	8.90
LN thuần từ HĐKD	-72.5	-33.1	-121	-23.3	-76.9
Lợi nhuận khác	0.40	0.48	1.69	-0.15	-1.21
LN trước thuế	-72.1	-32.6	-120	-23.4	-78.1
Lợi nhuận sau thuế	-72.4	-33.1	-126	-23.5	-81.3
LNST của CĐ cty mẹ	-70.1	-31.9	-120	-22.1	-66.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-47.2	68.3	-12.0	-5.96	-16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.24	71.1	70.4	0.05	-0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	35.6	-135	-56.2	6.41	18.7
Tiền đầu kỳ	28.9	21.6	26.0	28.1	28.6
Lưu chuyển tiền thuần	-7.33	4.42	2.15	0.51	1.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	21.6	26.0	28.1	28.6	30.2

(Nguồn: fireant.vn)